

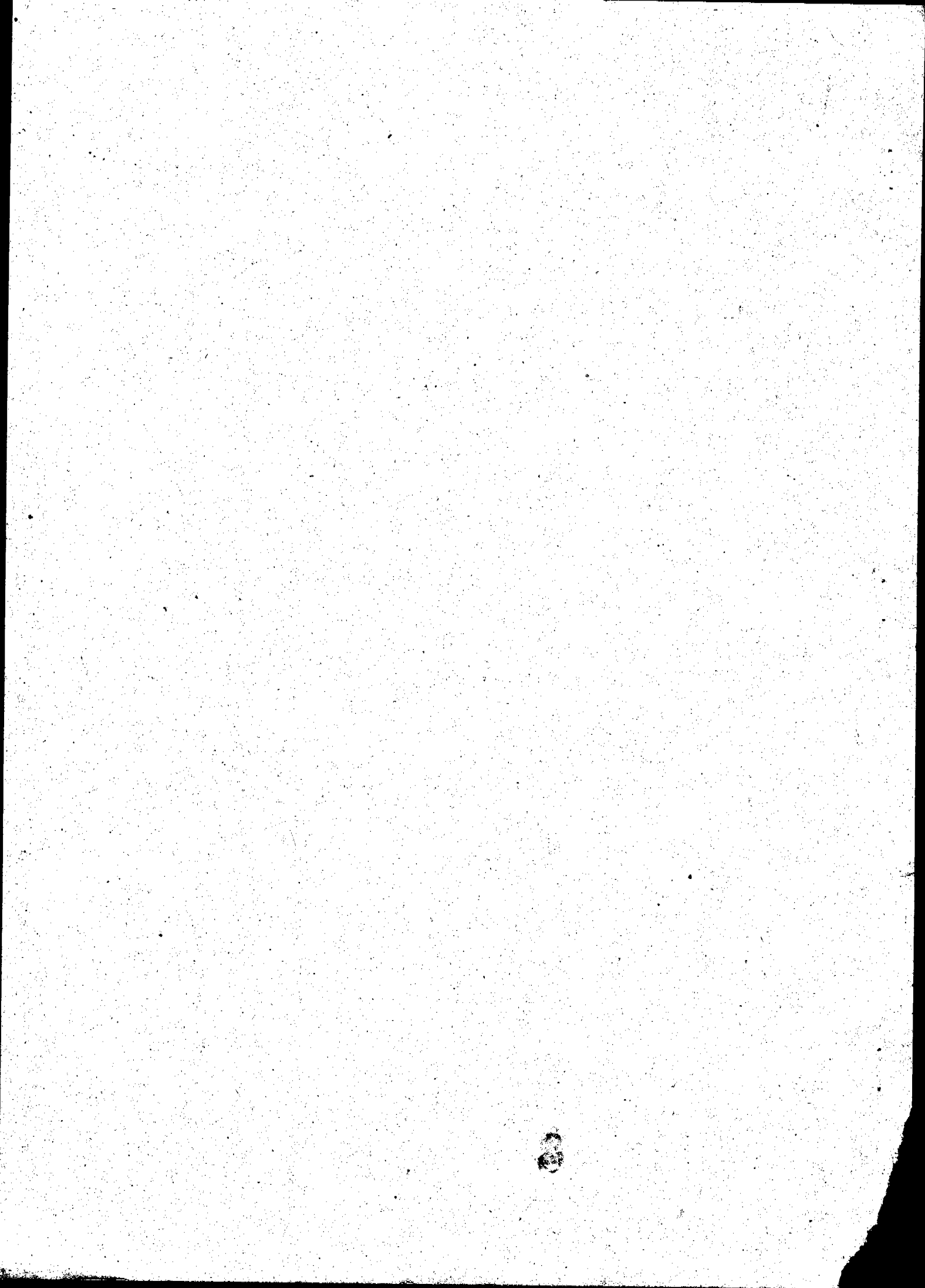
7
A&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2002

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁNH KẸO BIÊN HÒA**

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN



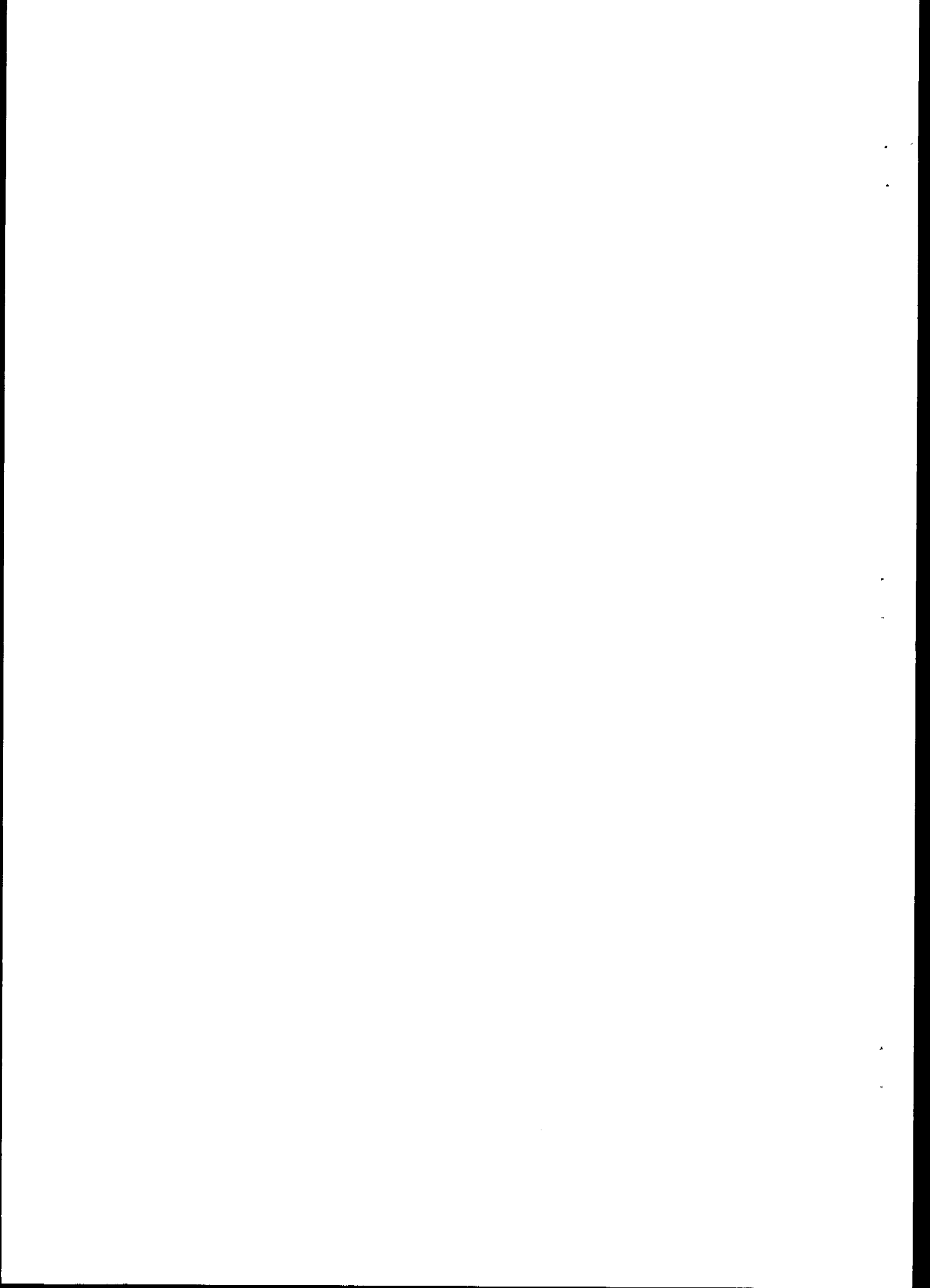
A&C

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM	
ĐẾN	Số 885
	Ngày 23/5/2003

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2002

CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁNH KẸO BIÊN HÒA

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

MỤC LỤC

1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2002	7 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002	10 - 12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002	13
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002	14 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 234/1998/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy phép đăng ký kinh doanh số 059167 ngày 16 tháng 01 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 3 năm 2001 về việc bổ sung vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi ngày 22 tháng 8 năm 2001 về việc bổ sung vốn điều lệ.
- Giấy phép phát hành chứng khoán ra công chúng số 10/GPPH ngày 16 tháng 11 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu cho Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa và cổ phiếu Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

+ Loại chứng khoán:	Cổ phiếu
+ Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 VND
+ Số lượng cổ phiếu:	5.600.000 cổ phiếu
+ Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá:	56.000.000.000 VND.

• Vốn điều lệ 56.000.000.000 VND

Trong đó:

- | | | |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| - Vốn Nhà nước | 1.980.900.000 VND | chiếm tỷ lệ 3,54% |
| - Vốn cổ đông khác | 54.019.100.000 VND | chiếm tỷ lệ 96,46% |

(Công ty đường Biên Hòa – đại diện cho cổ đông sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa đã được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần đường Biên Hòa theo Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời giá trị vốn chủ sở hữu Nhà nước cũng được chuyển cho Công ty mới này).

• Trụ sở chính của Công ty đặt tại:

Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hòa 1 – tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 836 576

Fax : (061) 836 950

E-mail : bibica@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 3600363970

Các đơn vị phụ thuộc của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh,
- Chi nhánh Cần Thơ,
- Chi nhánh Đà Nẵng,
- Chi nhánh Hà Nội,
- Nhà máy bánh kẹo Biên Hòa II tại Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động chính của Công ty:
 - Sản xuất kinh doanh bánh, kẹo, nha.
 - Xuất khẩu các mặt hàng bánh, kẹo, nha.
 - Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất bánh, kẹo, nha.

Tình hình và Kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối lợi nhuận

- Đặc điểm tình hình trong năm:
 - Bộ máy tổ chức, nhân sự của Phòng tài chính kế toán vào cuối năm có nhiều biến động làm ảnh hưởng đến tiến độ công tác tổng hợp, đối chiếu số liệu và lập Báo cáo tài chính năm.
 - Từ tháng 4 năm 2002, Nhà máy bánh kẹo Biên Hòa II tại Hà Nội chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đây là một dự án đầu tư lớn nhưng trong những năm đầu chưa thể mang lại hiệu quả cao.
 - Giá cả của một số nguyên vật liệu chính (đường, bột mì, tinh bột sắn...) có tăng so với năm trước, trong khi giá bán không tăng do tình hình cạnh tranh trên thị trường.
 - Công ty có đưa ra thị trường một số sản phẩm mới (bánh bông lan kem Hura, chocolate, bánh trung thu...), do đó chi phí quảng cáo, chi phí khuyến mãi... năm nay tăng nhiều so với năm trước.
- Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2002, Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 26).
- Phân phối lợi nhuận: chi cổ tức năm 2001 và năm 2002 được thể hiện trong Ghi chú số 9.4 và 17 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2002 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Thọ Vĩnh	Chủ tịch
Ông Trương Phú Chiến	Phó chủ tịch
Ông Phan Văn Thiện	Thành viên
Ông Bùi Văn Lang	Thành viên
Ông Lâm Vĩnh	Thành viên
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Thọ Vĩnh	Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Dũng	Phó Giám đốc sản xuất
Ông Phan Văn Thiện	Phó Giám đốc kinh doanh
Ông Lâm Thanh Trước	Phó Giám đốc nhân sự

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

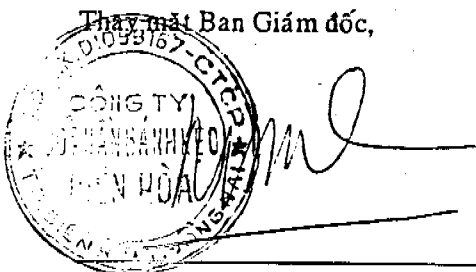
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính năm 2002 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2002, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc,



HOÀNG THỌ VĨNH - Giám đốc

Ngày 23 tháng 5 năm 2003

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
(A&C)

229 Đồng Khởi
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel : 8.272.295 - 8.272.296
Fax : (84.8) 8.272.298 - 8.272.300

Số: 648/2003/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2002 của Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2002, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, được lập ngày 7 tháng 5 năm 2003, từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2002 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Trong năm 2002, công tác kế toán của Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa gặp khó khăn đột biến do nhân sự phụ trách kế toán của Công ty thôi việc. Vì vậy, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2002, do chưa có điều kiện chứng kiến, xem xét và đối chiếu đầy đủ giữa chứng từ và sổ sách kế toán của các chỉ tiêu dưới đây:

- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho
- Hàng trả lại kho thành phẩm 216.935.056 VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác 5.565.987.165 VND - Thuyết minh số 12

nên chúng tôi chưa có cơ sở chắc chắn để trình bày ý kiến độc lập của kiểm toán viên đối với các chỉ tiêu đã nêu.

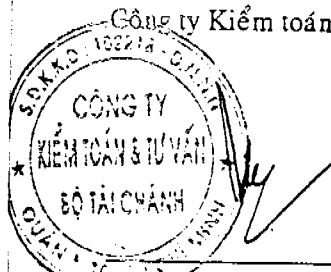
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những hạn chế nêu trên có thể ảnh hưởng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2002 (như tồn kho, giá vốn hàng bán và kết quả kinh doanh), Báo cáo tài chính đề cập, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2002, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, tuy nhiên chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc về một số vấn đề trong Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2002:

- Tại Thuyết minh số 5: do công suất thực tế của một số dây chuyền sản xuất bánh thấp hơn công suất thiết kế nên Công ty đã trích khấu hao theo công suất thực tế. Tuy mức tính khấu hao vẫn trong khung qui định tại Quyết định số 166/1999/QĐ/BTC ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhưng so với tỷ lệ % tính khấu hao năm trước thì cách tính nêu trên có làm giảm chi phí và tăng số lãi tương ứng một khoản ước tính 1.180.976.897 VND.
- Tại Thuyết minh số 7: do thay đổi phương pháp ghi nhận chi phí trong năm 2002 so với năm 2001 đã làm giảm chi phí hoa hồng, bồi hoàn phí, hỗ trợ vận chuyển và tăng số lãi một khoản ước tính là 1.337.204.467 VND.
- Tại thuyết minh số 9 (9.4) các khoản phải thu khác: do kết quả hoạt động kinh doanh năm 2002 bị lỗ nên khoản cổ tức đã chi của năm 2002 và các năm trước: 3.898.313.612 VND được treo lại trên khoản mục phải thu khác của Bảng cân đối kế toán chờ ý kiến của Đại hội cổ đông.
- Các khoản chênh lệch công nợ trên sổ sách so với thư xác nhận 1.500.888.299 VND - Thuyết minh số 9 (9.4) và chênh lệch giữa doanh thu ghi sổ so với Hóa đơn phát hành 1.511.677.308 VND - Thuyết minh số 14 (14.7) đang được đối chiếu để căn trừ.



Lê Hà - Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0082/KTV

TP. Hồ Chí Minh

Ngày 23 tháng 5 năm 2003

Trịnh Hoài Ngọc - Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0193/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2002

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
100	A- TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		106.701.529.931	96.743.897.787
110	I. Tiền		13.439.515.561	12.505.513.684
111	1. Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	8.1	2.259.278.988	1.445.429.960
112	2. Tiền gửi Ngân hàng	8.2	11.180.236.573	9.610.083.724
113	3. Tiền đang chuyển	8.3	-	1.450.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu		28.018.597.846	29.347.833.091
131	1. Phải thu của khách hàng	9.1	22.358.026.819	21.666.920.938
132	2. Trả trước cho người bán	9.2	4.695.387.856	1.919.007.622
133	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		594.238.261	42.366.517
138	4. Các khoản phải thu khác	9.4	370.944.910	5.719.538.014
140	IV. Hàng tồn kho	6	51.316.826.487	52.946.667.115
141	1. Hàng mua đang đi trên đường		2.971.391.631	-
142	2. Nguyên liệu, vật liệu tồn kho		24.864.014.853	32.293.917.717
143	3. Công cụ, dụng cụ trong kho		972.718.577	972.718.577
144	4. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		4.318.509.067	4.300.832.082
145	5. Thành phẩm tồn kho		18.110.052.681	15.337.145.896
146	6. Hàng hóa tồn kho		37.016.000	-
147	7. Hàng gửi đi bán		43.123.678	42.052.843
150	V. Tài sản lưu động khác		13.926.590.037	1.943.883.897
151	1. Tạm ứng	9.3	108.120.000	197.930.526
152	2. Chi phí trả trước	10	1.266.192.332	1.581.866.371
155	3. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	9.5	12.552.277.705	164.087.000
200	B- TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, ĐẦU TƯ DÀI HẠN		56.166.769.908	80.455.418.457
210	I. Tài sản cố định	5	49.257.674.662	60.153.021.732
211	1. Tài sản cố định hữu hình	11.1	48.636.381.901	59.944.635.002
212	- Nguyên giá		114.427.104.192	130.534.854.166
213	- Giá trị hao mòn lũy kế		(65.790.722.291)	(70.590.219.164)
217	2. Tài sản cố định vô hình	11.2	621.292.761	208.386.730
218	- Nguyên giá		659.062.853	256.080.000
219	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.770.092)	(47.693.270)
220	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
230	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	6.909.095.246	16.323.928.977
240	IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn		-	-
241	V. Chi phí trả trước dài hạn	13	-	3.978.467.748
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		162.868.299.839	177.199.316.244

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO BIÊN HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2002

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		80.295.147.248	101.384.614.253
310	I. Nợ ngắn hạn		73.082.666.394	95.857.739.828
311	1. Vay ngắn hạn	14.1	38.549.438.709	53.681.327.280
312	2. Nợ dài hạn đến hạn trả	14.2	1.560.000.000	1.560.000.000
313	3. Phải trả cho người bán	14.3	27.644.785.910	35.689.652.872
314	4. Người mua trả tiền trước	14.4	1.452.882.128	229.445.705
315	5. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	14.6	1.304.760.730	1.079.277.177
316	6. Phải trả công nhân viên	14.5	132.791.699	196.166.658
318	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.7	2.438.007.218	3.421.870.136
320	II. Nợ dài hạn		4.361.359.046	4.117.452.925
321	Vay dài hạn	14.8	4.361.359.046	4.117.452.925
330	III. Nợ khác		2.851.121.808	1.409.421.500
331	1. Chi phí phải trả		1.623.954.308	-
332	2. Tài sản thừa chờ xử lý		-	331.254.000
333	3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15	1.227.167.500	1.078.167.500
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.573.152.591	75.814.701.991
410	I. Nguồn vốn, quỹ		82.561.595.367	76.181.196.816
411	1. Nguồn vốn kinh doanh	16	87.972.000.000	86.997.474.000
	2. Cổ phiếu ngân quỹ	16	(8.831.020.000)	(6.588.010.602)
413	3. Chênh lệch tỷ giá	4	(224.234.977)	(22.814.764)
414	4. Quỹ đầu tư phát triển	16	-	-
415	5. Quỹ dự phòng tài chính	16	1.216.832.956	1.216.832.956
416	6. Lợi nhuận chưa phân phối	17	2.428.017.388	(5.422.284.774)
420	II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		11.557.224	(366.494.825)
422	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	16	11.557.224	(366.494.825)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		162.868.299.839	177.199.316.244

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2002

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Ngoại tệ các loại (USD)	4,470.98	37,908.99

Biên Hòa, ngày 7 tháng 5 năm 2003

Kế toán trưởng

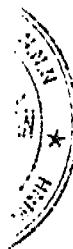


NGUYỄN VĂN CHÂU

Giám đốc



HOÀNG THỌ VĨNH



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

PHẦN I: LÃI/(LỖ)

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm trước	Năm nay
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7	186.691.209.606	216.022.771.031
03	Các khoản giảm trừ		3.442.294.999	3.666.348.161
06	+ Hàng bán bị trả lại		3.442.294.999	3.666.348.161
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	183.248.914.607	212.356.422.870
11	2. Giá vốn hàng bán	20	137.581.227.029	168.211.705.181
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.667.687.578	44.144.717.689
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23	712.581.620	267.280.134
22	5. Chi phí tài chính	24	2.802.840.619	4.013.125.037
23	Trong đó: Lãi vay phải trả		2.583.357.450	3.980.587.488
24	6. Chi phí bán hàng	21	26.750.101.463	33.178.619.793
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	11.269.125.615	12.791.790.165
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.558.201.501	(5.571.537.172)
31	9. Thu nhập khác	25	580.675.621	569.854.261
32	10. Chi phí khác	26	29.108.010	420.601.863
40	11. Lợi nhuận khác		551.567.611	149.252.398
50	12. Tổng lợi nhuận trước thuế		6.109.769.112	(5.422.284.774)
51	13. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.6	327.107.347	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế		5.782.661.765	(5.422.284.774)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

PHẦN II : TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	
10	I Thuế	1.304.760.730	9.379.423.810	9.604.907.363	1.079.177.177
11	1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	(193.927.348)	2.948.480.976	2.016.652.809	737.900.819
12	2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	594.238.261	2.444.784.691	2.996.656.435	42.366.517
14	3. Thuế xuất, nhập khẩu	722.683.727	3.897.887.043	4.590.748.119	29.872.651
15	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(141.612.654)	-	-	(141.612.654)
20	5. Các loại thuế khác	323.378.744	88.271.100	850.000	410.799.844
30	II Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
40	TỔNG CỘNG	1.304.760.730	9.379.423.810,00	9.604.907.363,00	1.079.177.177

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

**PHẦN III: THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI,
THUẾ GTGT ĐƯỢC MIỄN GIẢM, THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA**

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Số tiền
I.	Thuế GTGT được khấu trừ	
10	1 Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	594.238.261
11	2 Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	17.565.872.129
12	3 Số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã được hoàn lại	18.117.743.873
	Trong đó	
13	a. Số thuế GTGT đã khấu trừ	18.110.985.260
14	b. Số thuế GTGT đã hoàn lại	-
15	c. Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	-
16	d. Số thuế GTGT không được khấu trừ	6.758.613
17	4 Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ	42.366.517
II.	Thuế GTGT được hoàn lại	-
III.	Thuế GTGT được miễn giảm	-
IV.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	
40	1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	(193.927.348)
41	2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	21.067.156.350
42	3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	18.110.985.260
43	4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	7.690.114
44	5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	-
45	6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách Nhà nước	2.016.652.809
46	7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	737.900.819

Biên Hòa, ngày 7 tháng 5 năm 2003

Kế toán trưởng

Giám đốc





NGUYỄN VĂN CHÂU

HOÀNG THỌ VINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

ĐVT: VND

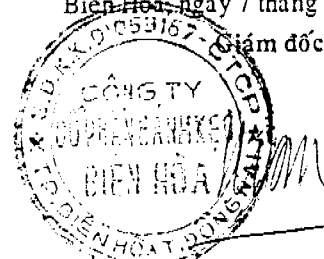
Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	6.109.769.112	(5.422.284.774)
	Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	3.367.588.640	4.809.420.051
03	- Các khoản dự phòng	(144.694.153)	-
07	- Thu lãi tiền gửi	(712.581.620)	(107.527.217)
10	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8.620.081.979	(720.391.940)
11	- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	(23.616.285.617)	11.081.889.612
12	- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	3.856.764.999	(1.629.840.628)
13	- Tăng / (giảm) các khoản phải trả	(1.717.908.799)	(441.091.291)
15	- Tiền chi cho các khoản khác	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	(12.857.347.438)	8.290.565.753
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
25	- Tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản	(28.688.940.391)	(18.880.007.859)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(28.688.940.391)	(18.880.007.859)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	- Tiền thu do đi vay	152.118.169.547	175.120.307.464
32	- Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	47.868.980.000	7.856.494.000
33	- Tiền thu từ lãi tiền gửi	712.581.620	107.527.217
34	- Tiền đã trả nợ vay	(150.004.671.850)	(160.232.325.014)
35	- Tiền đã hoàn vốn cho các chủ sở hữu	-	(6.588.010.602)
36	- Tiền đã trả lãi cho các nhà đầu tư	(3.573.264.032)	(6.809.973.049)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	47.121.795.285	9.454.020.016
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	5.575.507.456	(1.135.422.090)
	- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	(224.234.977)	201.420.213
60	Tiền tồn đầu kỳ	8.088.243.082	13.439.515.561
70	Tiền tồn cuối kỳ	13.439.515.561	12.505.513.684

Biên Hòa, ngày 7 tháng 5 năm 2003

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN CHÂU



HOÀNG THỌ VĨNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính năm 2002 của Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa (gọi tắt là Công ty).

Năm 2002 là năm tài chính thứ ba của Công ty.

A. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh bánh, kẹo, nha. Xuất khẩu các mặt hàng bánh, kẹo, nha. Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất bánh, kẹo, nha.

Tổng số nhân viên:

1.386 người

Trong đó, nhân viên quản lý:

325 người

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm:

- Bộ máy tổ chức, nhân sự của Phòng tài chính kế toán vào cuối năm có nhiều biến động làm ảnh hưởng đến tiến độ công tác tổng hợp, đối chiếu số liệu và lập Báo cáo tài chính năm.
- Từ tháng 4 năm 2002, Nhà máy bánh kẹo Biên Hòa II tại Hà Nội chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đây là một dự án đầu tư lớn nhưng trong những năm đầu chưa thể mang lại hiệu quả cao.
- Giá cả của một số nguyên vật liệu chính (đường, bột mì, tinh bột sắn...) có tăng so với năm trước, trong khi giá bán không tăng do tình hình cạnh tranh trên thị trường.
- Công ty có đưa ra thị trường một số sản phẩm mới (bánh bông lan kem Hura, chocolate, bánh trung thu...), do đó chi phí quảng cáo, chi phí khuyến mãi... năm nay tăng nhiều so với năm trước.

B. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định 1141TC/QĐ/CĐKT ngày 01 tháng 11 năm 1995, Chế độ Báo cáo tài chính Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 167/2000/QĐ/BTC ngày 25 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung Quyết định 1141TC/QĐ/CĐKT của Bộ Tài chính.

Việc hạch toán và trình bày trên Báo cáo tài chính của cổ phiếu ngân quỹ được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1497TC/CĐKT ngày 20 tháng 02 năm 2002 của Bộ Tài chính trả lời về việc kế toán cổ phiếu ngân quỹ.

2. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ của các Ngân hàng giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào khoản mục Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 44 TC/TCĐN ngày 08 tháng 7 năm 1997 và Thông tư số 38/2001/TT-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2001 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2002 là: 15.368 VND/USD

5. Phương pháp kế toán tài sản cố định

• Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định tại ngày 01/01/1999 được trình bày theo giá trị ghi nhận trên Biên bản bàn giao giữa Công ty đường Biên Hòa và Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa ngày 12/11/1999, do vậy những tài sản cố định này không được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

• Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá Tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 166/1999/QĐ/BTC ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm tài sản cố định nhất quán với năm trước, chi tiết như sau:

<u>Nhóm tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	20
- Máy móc thiết bị (*)	8 - 12
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	8
- Tài sản cố định vô hình	25

(*) Trong năm 2002 do công suất thực tế của một số dây chuyền sản xuất bánh thấp hơn công suất thiết kế nên Công ty đã trích khấu hao theo công suất thực tế. So với công suất thiết kế, cách tính khấu hao nêu trên đã làm giảm chi phí và tăng số lãi tương ứng một khoản ước tính 1.180.976.897 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

6. Phương pháp kế toán hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền năm.

7. Phương pháp ghi nhận doanh thu và chi phí

- Doanh thu được ghi nhận khi phát hành Hóa đơn cho khách hàng.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Riêng chi phí hoa hồng, bồi hoàn phí, hỗ trợ vận chuyển trong năm 2002 được ghi nhận theo thực tế phát sinh không theo nguyên tắc dồn tích như năm 2001. Việc thay đổi phương pháp ghi nhận đã làm giảm chi phí bán hàng trong năm 2002 và tăng số lãi tương ứng một khoản ước tính là 1.337.204.467 VND.

C. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

3. Tiền

8.1 Tiền mặt

Số dư tiền mặt tại ngày kết thúc niên độ phù hợp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt ngày 31/12/2002.

8.2 Tiền gửi ngân hàng

Số dư tiền gửi ngân hàng phù hợp với sổ phụ và thư xác nhận của các ngân hàng tại ngày 31/12/2002.

Ngân hàng	VND	Ngoại tệ		Tổng cộng VND
		Gốc USD	Quy đổi VND	
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đồng Nai	9.488.119	33.825.53	519.830.745	529.318.864
Ngân hàng Crédit Agricole Indosuez – Chi nhánh TP. HCM	6.768.122.173	-	-	6.768.122.173
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	108.429.387	-	-	108.429.387
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	206.046.880	-	-	206.046.880
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM	33.755.551	-	-	33.755.551
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	456.134.713	-	-	456.134.713
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Biên Hòa	795.372.293	4.083.46	62.754.613	858.126.906
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	16.756.620	-	-	16.756.620
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	22.847.834	-	-	22.847.834
Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu	610.544.796	-	-	610.544.796
Tổng cộng	9.027.498.366	37.908.99	582.585.358	9.610.083.724

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

8.3 Tiền đang chuyển

Khoản tiền các Chi nhánh chuyển về Công ty qua Ngân hàng Crédit Agricole Indosuez – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

9. Các khoản phải thu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
		Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
9.1	Phải thu của khách hàng	22.358.026.819	-	21.666.920.938	-
9.2	Trả trước cho người bán	4.695.387.856	-	1.919.007.622	-
9.3	Tạm ứng	108.120.000	-	197.930.526	-
9.4	Các khoản phải thu khác	370.944.910	-	5.719.538.014	-
9.5	Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	12.552.277.705	-	164.087.000	-
	Tổng cộng	40.084.757.290	-	29.667.484.100	-

9.1. Phải thu của khách hàng

Chủ yếu là các khoản phải thu của các nhà phân phối và đại lý của Công ty, chi tiết bao gồm:

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
- Công ty TNHH thương mại Hạnh Tuấn	1.138.615.315	958.735.380
- Nhà phân phối Nhan Thị Bích Ngọc	694.591.097	409.397.354
- Nhà phân phối Phan Thị Minh Phương	731.897.755	589.574.662
- Nhà phân phối Nguyễn Thị Mai	400.930.430	517.040.382
- Doanh nghiệp tư nhân Mạnh An	908.024.756	302.083.868
- Doanh nghiệp tư nhân Đại Phát	592.389.720	379.684.964
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Nam Hòa	351.613.720	359.483.169
- Công ty thương mại dịch vụ Đà Nẵng	490.736.841	529.631.283
- Hợp tác xã mua bán Sóc Trăng	420.017.971	218.189.045
- Đại lý Diệp Thị Thanh Thúy (Sâm Hùng)	942.489.078	314.776.124
- Land O' Lakes, Inc	-	926.795.487
- Các khách hàng khác	15.686.720.136	16.161.529.220
Cộng	22.358.026.819	21.666.920.938

9.2. Trả trước cho người bán

- Guangdong Agribusiness Group	151.901.500	682.673.761
- King Eagle Industrial Co., Ltd	150.719.490	154.417.203
- Speciality Ingredient Management	640.147.201	61.087.800
- Các nhà cung cấp khác	3.752.619.665	1.020.828.858
Cộng	4.695.387.856	1.919.007.622

9.4. Các khoản phải thu khác

- Bảo hiểm y tế trả trước	13.650.336
- Tiền cổ tức đã chi của năm 2002 và các năm trước (*)	3.518.791.612
- Chênh lệch công nợ giữa sổ sách so với sổ xác nhận (**)	1.500.888.299
- Các khoản phải thu khác	686.207.767
Cộng	5.719.538.014

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

(*) Do kết quả hoạt động kinh doanh năm 2002 bị lỗ, nên khoản cổ tức đã chi được treo lại chờ ý kiến của Đại hội cổ đông, chi tiết bao gồm:

+ Tiền cổ tức còn phải chi đến ngày 31/12/2002	379.522.000
+ Tiền cổ tức đã chi đến ngày 31/12/2002	3.898.313.612

(**) Khoản chênh lệch công nợ phải thu, phải trả khách hàng giữa sổ sách so với thư xác nhận chưa xác định được nguyên nhân.

9.5. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Khoản ký quỹ mở L/C tại Ngân hàng Công thương
Việt Nam – Chi nhánh KCN Biên Hòa.

USD 10,655.50 # 164.087.000

10. Chi phí trả trước

Chi phí quảng cáo, khuyến mãi sản phẩm mới.
Chính sách phân bổ: 12 tháng kể từ lúc phát sinh.

11. Tài sản cố định

11.1 Tài sản cố định hữu hình

Bảng chi tiết tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Chí tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm		14.764.522.093	94.332.375.114	3.955.509.027	1.374.697.958	114.427.104.192
2. Số tăng trong kỳ		7.756.693.888	7.391.365.939	531.204.957	428.485.190	16.107.749.974
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ		22.521.215.981	101.723.741.053	4.486.713.984	1.803.183.148	130.534.854.166
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết		2.182.062.109	3.393.449.281	-	-	5.575.511.390
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm		8.918.170.899	55.602.813.609	735.760.032	533.977.751	65.790.722.291
2. Tăng trong kỳ		628.766.946	3.557.372.390	443.931.872	169.425.665	4.799.496.873
3. Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ		9.546.937.845	59.160.185.999	1.179.691.904	703.403.416	70.590.219.164
III. Giá trị còn lại						
1. Số đầu năm		5.846.351.194	38.729.561.505	3.219.748.995	840.720.207	48.636.381.901
2. Số cuối kỳ		12.974.278.136	42.563.555.054	3.307.022.080	1.099.779.732	59.944.635.002

Tài sản cố định tăng trong kỳ chủ yếu do kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang các công trình, hạng mục công trình, các máy móc thiết bị ... của dự án Nhà máy bánh kẹo Biên Hòa II (Hà Nội) và các máy móc thiết bị khác.

11.2 Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng 97 m² đất tại Chi nhánh Đà Nẵng.

Chi tiết như sau:

- Nguyên giá	256.080.000
- Hao mòn đầu năm	(37.770.092)
- Hao mòn trong kỳ	(9.923.178)
- Hao mòn lũy kế	(47.693.270)
- Giá trị còn lại	208.386.730

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng, lắp đặt, mua sắm máy móc thiết bị của các hạng mục công trình sau:

- Dây chuyền thiết bị sản xuất chocolate	6.976.945.518
- Dự án mở rộng Phân xưởng sản xuất bánh snack	3.028.854.531
- Dự án mở rộng Phân xưởng sản xuất kẹo	752.141.763
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác (*)	5.565.987.165

Cộng

16.323.928.977

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác chưa xác định được đối tượng sử dụng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

- Trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Sài Đồng B	3.031.880.544
Thời gian phân bổ là 25 năm.	
- Chi phí trước hoạt động	580.185.425
Thời gian phân bổ là 3 năm.	
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	366.401.779
Thời gian phân bổ là 3 năm.	

Cộng

3.978.467.748

14. Các khoản nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
		Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
	Nợ ngắn hạn	73.082.666.394	-	95.857.739.828	-
14.1	Vay ngắn hạn	38.549.438.709		53.681.327.280	
14.2	Nợ dài hạn đến hạn trả	1.560.000.000	-	1.560.000.000	-
14.3	Phải trả cho người bán	27.644.785.910	-	35.689.652.872	-
14.4	Người mua trả trước	1.452.882.128	-	229.445.705	-
14.5	Phải trả công nhân viên	132.791.699	-	196.166.658	-
14.6	Các khoản thuế phải nộp	1.304.760.730	-	1.079.277.177	-
14.7	Các khoản phải trả khác	2.438.007.218	-	3.421.870.136	-
	Nợ dài hạn	4.361.359.046	-	4.117.452.925	-
14.8	Vay dài hạn	4.361.359.046	-	4.117.452.925	-
	Tổng cộng	77.444.025.440	-	99.975.192.753	-

14.1. Vay ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng sau:

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa (*)	33.376.671.895	40.156.724.589
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (**)	5.172.766.814	13.524.602.691

Cộng

38.549.438.709

53.681.327.280

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn ngày 02 tháng 01 năm 2002 để mua vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND, thời hạn vay 4 tháng/mỗi kế ước. Lãi suất cho vay theo khung lãi suất hiện hành và lãi vay trả vào ngày cuối của mỗi tháng tính trên dư nợ thực tế. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.

(**) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 20020164/NHNT ngày 02 tháng 4 năm 2002 để mua vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất. Hạn mức tín dụng: 12.000.000.000 VND, thời hạn vay 3 tháng/mỗi kế ước. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng Ngoại thương tại từng thời kỳ và lãi vay trả vào ngày cuối của mỗi tháng tính trên dư nợ thực tế. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp có đảm bảo một phần bằng tài sản.

14.2. Nợ dài hạn đến hạn trả

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa đến hạn trả trong năm 2003.

14.3. Phải trả cho người bán

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
- Công ty xuất nhập khẩu giấy in và bao bì Liksin	5.143.637.483	6.783.120.600
- JJ-Degussa Chemicals Pte., Ltd	307.218.320	230.673.680
- Công ty bao bì và nhựa Tân Tiến	1.809.051.844	2.854.932.367
- Công ty cổ phần bao bì dược	1.163.764.802	113.057.340
- Công ty cổ phần đường Biên Hòa	1.342.361.573	377.695.963
- Công ty TNHH bao bì kim loại và in trên kim loại	808.505.686	140.209.629
- Robertet SA	552.628.911	857.465.120
- Công ty xăng dầu Đồng Nai	445.546.279	738.252.433
- Công ty bao bì và nhựa Thành Phú	2.314.438.252	3.990.934.010
- Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu	875.406.950	974.005.483
- Công ty nhựa Đại Đồng Tiến	737.873.137	950.901.716
- Công ty TNHH thương mại Á Quân	742.164.324	1.238.391.549
- Công ty nông sản thực phẩm Quảng Ngãi	-	793.921.589
- SKW Gelatine & Specialties France Sas	-	681.263.440
- Nhà máy nhựa Hóc Môn	-	538.516.000
- Công ty xăng dầu khu vực II	-	591.891.188
- Công ty TNHH công nghiệp bao bì Visingpack	-	508.409.511
- Công ty TNHH TM-SX Tân Đại Việt	-	670.243.067
- Các nhà cung cấp khác	11.402.188.349	12.655.768.187
Cộng	27.644.785.910	35.689.652.872

14.6. Các khoản thuế phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng
- + Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.
- + Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ thuế
- + Thuế suất thuế giá trị gia tăng của các hoạt động:
 - Xuất khẩu 0%
 - Vật tư, dịch vụ khác 5%
 - Bánh kẹo các loại 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

- **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận thu được.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và được giảm 50% cho 2 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 1999 là năm đầu tiên Công ty chính thức hoạt động và có lãi.

Đồng thời, do Công ty là tổ chức phát hành có chứng khoán được niêm yết nên được hưởng ưu đãi theo Thông tư số 74/2000/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2000 của Bộ Tài chính. Theo đó, ngoài việc được hưởng các ưu đãi về thuế phù hợp với quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm tiếp theo kể từ khi niêm yết chứng khoán lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Căn cứ Công văn số 336/CT.NQD ngày 26 tháng 3 năm 2002 của Cục thuế Đồng Nai:

- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ tháng 9/2001 đến tháng 12/2003 và giảm 50% từ tháng 1/2004 đến tháng 8/2006 cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất bánh trung thu và Cookie nhân; dây chuyền sản xuất bánh Layer cake.
- Đối với thu nhập từ nhà máy sản xuất bánh kẹo tại Hà Nội, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ tháng 4/2002 đến tháng 12/2003 và giảm 50% từ tháng 1/2004 đến tháng 3/2007.

Năm 2002, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

- **Các loại thuế khác:**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

14.7. Các khoản phải trả khác

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
- Kinh phí công đoàn	30.000.000	2.128.000
- Bảo hiểm xã hội	396.200.140	214.503.000
- Tiền hoa hồng phải trả	261.274.404	-
- Tiền bảo hành khuôn làm bánh kẹo	179.117.375	485.857.939
- Chênh lệch giữa doanh thu theo báo cáo so với Hóa đơn phát hành (*)	-	1.511.677.308
- Các khoản phải trả khác	1.571.415.299	1.207.703.889
Cộng	2.438.007.218	3.421.870.136

(*) Khoản chênh lệch giữa doanh thu ghi sổ so với Hóa đơn phát hành chưa xác định được nguyên nhân.

14.8. Vay dài hạn

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 25 tháng 7 năm 2001.

Mục đích: nhập khẩu dây chuyền thiết bị sản xuất chocolate.

Hạn mức tín dụng: 6.491.620.000 VND

Thời hạn vay: 52 tháng kể từ ngày rút vốn vay.

Lãi suất: 0,60%/tháng.

Kỳ hạn trả nợ: 130.000.000 VND/tháng, bắt đầu từ tháng 01 năm 2002.

Đảm bảo tiền vay: tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

15. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Khoản nhận ký quỹ của các nhà phân phối và đại lý của Công ty.

16. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguồn vốn kinh doanh	87.972.000.000	-	974.526.000	86.997.474.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(8.831.020.000)	(6.588.010.602)	(8.831.020.000)	(6.588.010.602)
Các quỹ	1.216.832.956	-	-	1.216.832.956
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2. Quỹ dự phòng tài chính	1.216.832.956	-	-	1.216.832.956
Quỹ khác	11.557.224	-	378.052.049	(366.494.825)
1. Quỹ khen thưởng	5.863.994	-	94.000.000	(88.136.006)
2. Quỹ phúc lợi	5.693.230	-	284.052.049	(278.358.819)
3. Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	80.369.370.180	(6.588.010.602)	(7.478.441.951)	81.259.801.529

16.1. Nguồn vốn kinh doanh

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Chi tiết nguồn vốn kinh doanh:		
- Vốn cổ đông (*)	42.737.400.000	46.022.000.000
- Giá trị thặng dư vốn cổ phần (**)	30.153.580.000	34.725.474.000
- Bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển	6.250.000.000	6.250.000.000
- Bổ sung từ cổ phiếu ngân quỹ (***)	8.831.020.000	-
Cộng	87.972.000.000	86.997.474.000

(*) Vốn cổ đông tăng do bán lại cổ phiếu của chính tổ chức niêm yết: 3.284.600.000.

(*) Giá trị thặng dư vốn cổ phần tăng 4.571.894.000 do:

+ Tăng: 5.546.420.000 do kết chuyển từ việc bán lại cổ phiếu của chính tổ chức niêm yết.
+ Giảm: (974.526.000) do giá tái phát hành (bán 328.460 cổ phiếu ngân quỹ) thấp hơn trị giá cổ phiếu ngân quỹ ban đầu.

(**) Cổ phiếu ngân quỹ giảm 8.831.020.000 do được bán hết trong năm cho cổ đông bên ngoài và được kết chuyển vào:

+ Vốn cổ đông: 328.460 cổ phiếu # 3.284.600.000
+ Giá trị thặng dư vốn cổ phần: 5.546.420.000

Chi tiết cổ phiếu phát hành (đơn vị tính: cổ phiếu)

- Phát hành cho cổ đông	4.273.740	4.602.200
- Bổ sung từ lợi nhuận và quỹ đầu tư	997.800	997.800
- Cổ phiếu ngân quỹ	328.460	-
Cộng	5.600.000	5.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

16.2. Cổ phiếu ngân quỹ

- Cổ phiếu ngân quỹ tăng do mua lại 350.000 cổ phiếu theo giá thị trường;
- Cổ phiếu ngân quỹ giảm do bán lại 328.460 cổ phiếu ngân quỹ có từ đầu năm.
- Số cổ phiếu ngân quỹ hiện có đến ngày 31/12/2002: 350.000 cổ phiếu.

16.3. Các quỹ và quỹ khác

Theo Điều lệ của Công ty, các quỹ được trích lập như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ 15% đến 60% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: được trích lập từ 5% đến 15% lợi nhuận sau thuế.

Năm 2002 kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ nên không trích lập các quỹ.

17. Lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận năm trước
 - Số đầu năm 2.428.017.388
 - Chia cổ tức năm 2001 (2.428.017.388)
- Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay
- Lợi nhuận sau thuế năm nay (5.422.284.774)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế chuyển năm sau (5.422.284.774)

18. Chi phí sản xuất và chi phí hoạt động

Chi phí sản xuất và chi phí hoạt động bao gồm :

Chỉ tiêu	Số tiền
- Chi phí nguyên vật liệu	145.492.555.223
- Chi phí nhân công	22.882.179.271
- Chi phí khấu hao	4.809.420.051
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.794.639.218
- Chi phí khác bằng tiền	26.104.026.251
TỔNG CỘNG	215.082.820.014

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm trước	Năm nay
- Doanh thu bán các loại	74.754.595.138	102.222.393.112
- Doanh thu kẹo các loại	99.439.932.346	103.366.623.552
- Doanh thu nha các loại	5.268.971.953	4.664.309.616
- Doanh thu hàng hóa	2.277.648.723	386.492.835
- Doanh thu vật tư và dịch vụ khác	1.507.766.447	1.716.603.755
Cộng	183.248.914.607	212.356.422.870

20. Giá vốn hàng bán

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	140.464.525.499
Chi phí nhân công trực tiếp	14.005.782.866
Chi phí sản xuất chung	14.642.101.691

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

+ Chi phí nhân viên phân xưởng	2.490.910.825	
+ Chi phí vật liệu	1.736.619.633	
+ Chi phí dụng cụ	461.346.645	
+ Chi phí khấu hao	4.157.659.520	
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.027.717.890	
+ Chi phí khác bằng tiền	767.847.178	
Tổng chi phí sản xuất sản phẩm trong kỳ		169.112.410.056
+ Cộng : Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	4.318.509.067	
+ Trừ : Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	(4.300.832.082)	
Tổng giá thành sản xuất trong kỳ		169.130.087.041
+ Cộng : - Tồn kho thành phẩm đầu kỳ	18.110.052.681	
- Tồn kho hàng gửi bán đầu kỳ	43.123.678	
+ Trừ : - Tồn kho thành phẩm cuối kỳ	(15.337.145.896)	
- Tồn kho hàng gửi bán cuối kỳ	(42.052.843)	
- Xuất khác	(4.028.906.660)	
Giá vốn hàng sản xuất		167.875.158.001
Giá vốn hàng hóa		336.547.180
Tổng giá vốn hàng bán trong kỳ		168.211.705.181
21. Chi phí bán hàng	Năm trước	Năm nay
- Chi phí lương nhân viên bán hàng	1.462.521.100	2.129.130.889
- Chi phí vật liệu, bao bì	642.792.742	1.834.902.974
- Chi phí công cụ, dụng cụ	17.060.957	8.993.583
- Chi phí hoa hồng, bồi hoàn phí, quảng cáo	12.412.343.363	18.337.054.933
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp thành phẩm	7.391.948.562	6.237.914.014
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.297.964.078	1.339.498.102
- Chi phí khác	2.525.470.661	3.291.125.298
Cộng	26.750.101.463	33.178.619.793
22. Chi phí quản lý Doanh nghiệp		
- Chi phí lương nhân viên quản lý	2.496.077.465	4.256.354.691
- Chi phí vật liệu quản lý	645.003.683	986.166.889
- Chi phí công cụ, dụng cụ	31.921.807	-
- Chi phí khấu hao	816.830.362	651.760.531
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.520.656.305	3.189.509.212
- Chi phí khác	3.758.635.993	3.707.998.842
Cộng	11.269.125.615	12.791.790.165
23. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	601.081.620	107.527.217
- Chênh lệch tỷ giá	-	159.752.917
- Thu nhập từ bán cổ phiếu quỹ	111.500.000	-
Cộng	712.581.620	267.280.134

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2002

24. Chi phí tài chính	Năm trước	Năm nay
- Chi phí lãi vay	2.583.357.450	3.980.587.488
- Giá vốn cổ phiếu quỹ	108.000.000	-
- Chi phí khác	111.483.169	32.537.549
Cộng	2.802.840.619	4.013.125.037

25. Thu nhập khác		
- Thu vi phạm hợp đồng	90.168.441	287.159.325
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	144.694.153	-
- Thu nhập khác	345.813.027	282.694.936
Cộng	580.675.621	569.854.261

26. Chi phí khác		
- Chi phí thu gom phế liệu	28.108.010	59.355.000
- Chi phí khác	1.000.000	361.246.863
Cộng	29.108.010	420.601.863

27. Tình hình thu nhập của công nhân viên

Chỉ tiêu	Số tiền
1. Tổng tiền lương	19.507.915.000
2. Tiền thưởng	2.040.750.000
3. Tổng thu nhập	21.548.665.000
4. Tiền lương bình quân	1.250.000
5. Thu nhập bình quân tháng	1.381.325

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

D. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước	Năm nay
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/ Tổng số tài sản	%	34,49	45,40
- Tài sản lưu động/ Tổng số tài sản	%	65,51	54,60
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	49,30	57,22
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	50,70	42,78
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,03	1,75
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,46	1,01
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,18	0,13
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh trên doanh thu thuần	%	3,03	(2,62)
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	3,31	(2,54)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	3,13	(2,54)
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,75	(3,06)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,55	(3,06)
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu			
	%	7,00	(7,15)
4. Tốc độ chu chuyển vốn lưu động	Vòng/Lần		
Doanh thu thuần / Tài sản lưu động bình quân		1,94	2,09

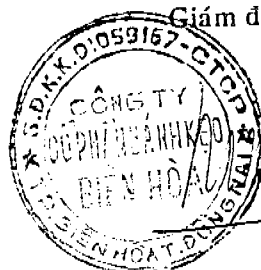
Biên Hòa, ngày 7 tháng 5 năm 2003

Kế toán trưởng

Chau

NGUYỄN VĂN CHÂU

Giám đốc



HOÀNG THỌ VINH

.

.

.

.

.

.

229 ĐỒNG KHỞI, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH

ĐT: (84-8) 8272295 - FAX: (84-8) 8272300

CHI NHÁNH NHÀ TRẠNG - KHÁNH HÒA: 100 QUANG TRUNG

ĐT: (84.58) 811591 - FAX: (84.58) 811593

CHI NHÁNH HÀ NỘI: 41B LÝ THÁI TỔ, QUẬN HOÀN KIẾM

TEL: (04.9) 344489 - FAX: (04.9) 344891

